

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 28/NQ-HĐND

*Bắc Giang, ngày 11 tháng 12 năm 2015*

### **NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua Điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp  
tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 55/2008/QĐ-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ Công thương ban hành Quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phát triển lĩnh vực công nghiệp;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 234/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2015; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Thông qua Điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với các nội dung chủ yếu sau:

#### **1. Quan điểm, định hướng phát triển**

- Phát triển công nghiệp Bắc Giang phù hợp với quan điểm, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, các quy hoạch phát triển vùng, ngành của cả nước. Phát triển công nghiệp nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển công nghiệp hiệu quả, bền vững và làm nền tảng phát triển các ngành dịch vụ và sản xuất khác; phát huy được lợi thế của tỉnh; sử dụng hợp lý tài nguyên, lao động và đảm bảo các yêu cầu về môi trường; đảm bảo tính liên kết trên cơ sở phân bố hợp lý về không gian vùng động lực gắn liền với các trục giao thông chính của tỉnh và cơ cấu ngành công nghiệp.

- Phát triển công nghiệp có chọn lọc, ưu tiên phát triển những sản phẩm sử dụng công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến, có hàm lượng chất xám cao, có giá trị gia tăng cao; ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp cơ khí, chế biến nông lâm sản, điện tử, may mặc và công nghiệp phụ trợ. Chú trọng phát triển các ngành nghề truyền thống và các ngành nghề tạo ra sản phẩm phục vụ du lịch; rút ngắn dần khoảng cách về kinh tế - xã hội giữa nông thôn và thành thị, đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn.

- Phát triển công nghiệp trên cơ sở phát triển của khoa học công nghệ và nguồn nhân lực có trình độ cao. Tăng cường đầu tư chiều sâu, hợp tác đầu tư nước ngoài,

đổi mới thiết bị công nghệ để tăng năng suất, hạ giá thành. Phát huy tối đa nội lực, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, nâng cao hiệu quả của hợp tác quốc tế, hợp tác liên tỉnh, liên vùng và liên ngành.

- Tiếp tục hoàn thiện kết cấu hạ tầng và khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của các khu, cụm công nghiệp hiện có, gắn sự phát triển của các khu, cụm công nghiệp với sự phát triển của hệ thống đô thị, dịch vụ. Ưu tiên thu hút đầu tư công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp gia công chính xác để hình thành và tham gia cụm tương hỗ sản xuất sản phẩm chủ lực.

- Phát triển công nghiệp gắn liền với yêu cầu bảo vệ môi trường, tiến tới công nghệ xanh trong giai đoạn tới và bảo vệ an ninh quốc phòng.

- Điều chỉnh mô hình tăng trưởng công nghiệp từ số lượng sang năng suất, chất lượng và hiệu quả; phát triển các ngành và sản phẩm công nghiệp có giá trị gia tăng cao, giá trị xuất khẩu lớn, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Đến năm 2030, Bắc Giang cơ bản trở thành tỉnh có nền công nghiệp phát triển.

## **2. Mục tiêu phát triển**

Đến năm 2020, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 131.740 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010), tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 là 24,2%/năm; đến năm 2030 giá trị sản xuất công nghiệp đạt 977.100 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt 22,2%/năm.

Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp bình quân giai đoạn 2016-2020 là 14,4%/năm, giai đoạn 2021-2030 đạt 14,9%/năm; đóng góp trong cơ cấu GRDP của tỉnh từ 29,9% năm 2015 lên 37,4% năm 2020 và đạt 43,6% vào năm 2030.

## **3. Quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp**

### **3.1. Quy hoạch phát triển các phân ngành công nghiệp**

*3.1.1. Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp cơ khí:* Ưu tiên thu hút mạnh ngành cơ khí chính xác, sản xuất những sản phẩm công nghệ cao, giá trị gia tăng cao. Đến năm 2020, giá trị sản xuất ngành cơ khí đạt 10.105 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010), chiếm 7,7% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 18,5%; đến năm 2030 đạt 52.000 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt 17,8%, chiếm 5,3% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh.

*3.1.2. Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hóa chất:* Phát triển công nghiệp hóa chất một cách bền vững, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam. Đến năm 2020, giá trị sản xuất ngành công nghiệp hóa chất đạt 9.950 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010), chiếm 7,5% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 24,7%; đến năm 2030 đạt 67.700 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt 21,1%, chiếm 6,9% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh.

3.1.3. *Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp điện tử*: Đến năm 2020, giá trị sản xuất ngành điện tử đạt 68.275 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010), chiếm 51,83% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 25,8%; đến năm 2030 đạt 570.000 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt 23,6%, chiếm 58,34% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh.

3.1.4. *Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp dệt may, da giày*: Phát triển theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại, hiệu quả và bền vững, lấy xuất khẩu làm mục tiêu cho phát triển của ngành. Phát triển mạnh các sản phẩm công nghiệp phụ trợ, sản xuất nguyên phụ liệu dệt may, da giày, giảm nhập siêu; đến năm 2020, giá trị sản xuất ngành dệt may, da giày đạt 16.000 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010), chiếm 12,15% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 25,1%; đến năm 2030 đạt 125.000 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt 22,8%, chiếm 12,8% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh.

3.1.5. *Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm*: Phát triển gắn với chuyên dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, khai thác lợi thế so sánh của địa phương và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường. Đến năm 2020, giá trị sản xuất ngành chế biến nông, lâm sản - thực phẩm đạt 5.400 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010), chiếm 4,1% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 27,8%; đến năm 2030 đạt 50.000 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt 24,9%, chiếm 5,12% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh.

3.1.6. *Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng*: Phân đầu giá trị sản xuất công nghiệp ngành vật liệu xây dựng đến năm 2020 đạt 2.300 tỷ đồng, tăng bình quân 16,1%/năm, chiếm tỷ trọng 1,75% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh; đến năm 2030 đạt 9.300 tỷ đồng, tăng bình quân 15,0%/năm, chiếm tỷ trọng 0,95% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

3.1.7. *Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản*: Gắn phát triển với bảo vệ môi trường. Phân đầu giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh năm 2010) ngành khai thác và chế biến khoáng sản đến năm 2020 đạt 800 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,6% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh; tăng trưởng bình quân 3,6%/năm; đến năm 2030 đạt 1.600 tỷ đồng, tăng bình quân 7,2%/năm, chiếm tỷ trọng 0,16% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

3.1.8. *Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp phụ trợ*: Tập trung phát triển một số ngành như: Linh kiện, phụ tùng; công nghiệp phụ trợ ngành dệt may - da giày; công nghiệp phụ trợ cho công nghiệp công nghệ cao, đảm bảo đến năm 2020 tỉnh Bắc Giang có công nghiệp tương đối phát triển với sản phẩm công nghiệp phụ trợ có khả năng cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu sản xuất, xuất khẩu của tỉnh. Đến năm 2030, công nghiệp phụ trợ tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực phục vụ các ngành công nghiệp có công nghệ cao và sản xuất được các linh kiện, thiết bị hiện đại.

*3.1.9. Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp sản xuất điện nước:* Đảm bảo việc cung cấp điện được an toàn, ổn định phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt dân cư. Đồng thời phát triển các dạng năng lượng mới như biôga, năng lượng gió, năng lượng mặt trời. Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh năm 2010) sản xuất và phân phối điện nước đến năm 2020 đạt 5.410 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 4,11% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh; tăng trưởng bình quân 24,4%/năm; đến năm 2030 đạt 41.500 tỷ đồng, tăng bình quân 22,6%/năm, chiếm tỷ trọng 4,25% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

*3.1.10. Quy hoạch phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề:* Phân đầu đến năm 2020 có 65 làng nghề đạt tiêu chí theo quy định, có trên 60% số hộ và trên 50% nhân khẩu tham gia làm nghề; các làng nghề tạo việc làm cho khoảng 32.000-35.000 nhân khẩu; mỗi làng nghề có ít nhất 01 tổ chức kinh tế thuộc loại hình doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

*3.1.11. Quy hoạch phát triển khu, cụm công nghiệp:*

- *Khu công nghiệp:* Đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 6 khu công nghiệp với tổng diện tích 1.322 ha; định hướng đến năm 2030 bổ sung thành lập thêm 5 khu công nghiệp nâng tổng số khu công nghiệp của tỉnh lên thành 11 khu, tổng diện tích 2.522 ha, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- *Cụm công nghiệp:* Đến năm 2020, mở rộng diện tích 2 cụm công nghiệp với diện tích tăng thêm là 53 ha, thành lập mới 10 cụm công nghiệp với diện tích 297,7 ha nâng tổng số cụm công nghiệp thành 36 cụm với tổng diện tích là 882,5 ha. Định hướng đến năm 2030, tiếp tục thành lập mới 9 cụm công nghiệp tại các huyện với diện tích 305 ha, nâng số cụm công nghiệp đến năm 2030 là 45 cụm với tổng diện tích 1.187,5 ha.

### **3.2. Nhu cầu vốn đầu tư**

Nhu cầu vốn đầu tư: **73.633** tỷ đồng, trong đó: Giai đoạn 2016-2020: 31.351 tỷ đồng; giai đoạn 2021-2030: 42.282 tỷ đồng. Vốn nhà nước: 344,15 tỷ đồng; vốn doanh nghiệp: 73.289 tỷ đồng.

### **3.3. Nhu cầu sử dụng đất**

- Tổng diện tích đất đến 2020 cho các khu, cụm công nghiệp: 2.205 ha, trong đó: Khu công nghiệp: 1.322,5 ha; Cụm công nghiệp: 882,5 ha.

- Tổng diện tích đất đến 2030 cho các khu, cụm công nghiệp: 3.709,5 ha, trong đó: Khu công nghiệp: 2.522 ha; Cụm công nghiệp: 1.187,5 ha.

## **4. Giải pháp thực hiện**

Bao gồm 10 nhóm giải pháp để thực hiện quy hoạch, cụ thể: (1) Giải pháp về vốn; (2) Giải pháp về công nghệ; (3) Giải pháp về đất đai; (4) Giải pháp về nguồn nhân lực; (5) Giải pháp vận động xúc tiến đầu tư, phát triển thị trường và khuyến khích phát triển doanh nghiệp; (6) Giải pháp về tổ chức quản lý; (7) Giải pháp tập trung phát triển các nhóm sản phẩm, các ngành sản xuất có lợi thế cạnh tranh; (8)

Giải pháp hợp tác liên kết liên vùng và hợp tác phát triển; (9) Giải pháp về bảo vệ môi trường; (10) Nhóm giải pháp mang tính đột phá.

**Điều 2.** Giao UBND tỉnh hoàn chỉnh các thủ tục phê duyệt và tổ chức thực hiện Quy hoạch.

Nghị quyết được HĐND tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 14 thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Hải**